TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 225/2017/DS-ST
Ngày: 26-6-2017.
V/v tranh chấp Hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Phúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thanh Vân.

2. Ông Đoàn Văn Rỹ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Cao Sơn là Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên toà:* Bà Phan Tuyết Trinh -Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 6 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 334/2015/TLST-DS ngày 24 tháng 11 năm 2015 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2017/QĐXX-ST ngày 03 tháng 5 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần S.

Địa chỉ: 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: ông Đinh Duy T, sinh năm 1991 theo văn bản ủy quyền ngày 14/10/2015(Có đơn xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Bà Trương Bích Q, sinh năm 1982.

Địa chỉ: 90/12/30A Bông Sao, Phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/10/2015 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S có đại diện theo ủy quyền ông Đinh Duy T trình bày: Ngày 17/05/2012 bà Trương Bích Q có ký với Ngân hàng thương mại cổ phần S Hợp đồng vay Thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng gồm các điều khoản chính sau:

- Số thẻ: 472074-8884.

- Hạn mức thẻ: 10.000.000 đồng.

- Mục đích tiêu dùng cá nhân.

- Lãi suất: Theo lãi suất từng thời kỳ do ngân hàng quyết định.

Trong quá trình sử dụng bà Q đã giao dịch nhiều lần với tổng số tiền là: 12.490.000 đồng. Bà Q đã thanh toán số tiền là: 11.313.000 đồng. Do bà Q vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 11/12/2013 nên Ngân hàng thương mại cổ phần S đã

chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Qua quá trình làm việc và nhắc nhở nhưng Bà Q vẫn không có thiện chí trả nợ cho Ngân hàng. Tính từ ngày 11/12/2013 đến ngày 26/6/2017, bà Q còn nợ của Ngân hàng thương mại cổ phần S là:

- Số tiền nợ gốc tính đến ngày 26/6/2017 là: 7.572.864 (Bảy triệu năm trăm bảy mươi hai nghìn tám trăm sáu mươi bốn) đồng.

- Số tiền lãi quá hạn tính từ ngày 11/12/2013 đến ngày 26/6/2017 là: 6.264.169 (Sáu triệu hai trăm sáu mươi bốn nghìn một trăm sáu mươi chín) đồng.

- Tổng số tiền phải thanh toán là: 13.837.033 đồng (Mười ba triệu tám trăm ba mươi bảy nghìn không trăm ba mươi ba).

Vì vậy, Ngân hàng thương mại cổ phần S yêu cầu buộc bà Q phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền: 13.837.033 (Mười ba triệu tám trăm ba mươi bảy nghìn không trăm ba mươi ba) đồng và số tiền lãi quá hạn được tính tiếp cho bà Q từ ngày 27/6/2017 đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần S theo mức lãi suất nợ quá hạn mà hai bên đã thỏa thuận tại giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng lập ngày 17/05/2012 kèm theo bản điều khoản và điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng. Phương thức thanh toán là trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Đối với bị đơn bà Trương Bích Q: Tòa án đã tiến hành giao thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà Q vẫn vắng mặt không đến tòa trình bày yêu cầu.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn chấp hành tốt pháp luật tố tụng khi tham gia tố tụng dân sự. Bị đơn chấp hành chưa tốt pháp luật tố tụng khi tham gia tố tụng dân sự. Về phần nội dụng vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, thủ tụng tố tụng và thẩm quyền giải quyết:

Xét đơn khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S thì đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng do bị đơn cư trú tại Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh nên theo qui định tại các Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Xét nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S có đại diện theo ủy quyền ông Đinh Duy T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn bà Trương Bích Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa, nên căn

cứ vào điểm a điểm b Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là phù hợp qui định của pháp luật.

[2] Về các yêu cầu của các đương sự:

Xét giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng lập ngày 17/05/2012 kèm theo bản điều khoản và điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng giữa Ngân hàng thương mại cổ phần S và bà Trương Bích Q. Gồm các điều khoản chính như sau: số thẻ: 472074-8884; hạn mức thẻ: 10.000.000 đồng; mục đích tiêu dùng cá nhân; lãi suất: theo lãi suất từng thời kỳ do ngân hàng quyết định. Ngày 11/12/2013 Ngân hàng thương mại cổ phần S đã thông báo chuyển số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn, kèm theo số tiền lại quá hạn phát sinh. Các tình tiết trên đây đã được Tòa án thông báo đến bị đơn nhưng đương sự không có ý kiến phản đối nên căn cứ vào Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định các tình tiết trên là sự thật.

Xét trong quá trình thực hiện giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng lập ngày 17/05/2012 kèm theo bản điều khoản và điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng thì tính từ ngày 11/12/2013 cho đến nay bà Q không đóng tiền lãi quá hạn và trả nợ gốc cho Ngân hàng thương mại cổ phần S là vi phạm thỏa thuận mà hai bên đã thỏa thuận ký kết. Đồng thời, vi phạm Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2005 và Luật các tổ chức tín dụng. Do đó, bà Q phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ gốc và tiền lãi quá hạn phát sinh từ ngày 11/12/2013 cho Ngân hàng thương mại cổ phần S. Cụ thể như sau: số tiền nợ gốc là 7.572.864 (Bảy triệu năm trăm bảy mươi hai nghìn tám trăm sáu mươi bốn) đồng; số tiền lãi quá hạn tính từ ngày 11/12/2013 đến ngày 26/6/2017 là 6.264.169 (Sáu triệu hai trăm sáu mươi bốn nghìn một trăm sáu mươi chín) đồng. Tổng cộng là 13.837.033 đồng (Mười ba triệu tám trăm ba mươi bảy nghìn không trăm ba mươi ba đồng).

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trương Bích Q phải chịu trên tổng số tiền phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần S. Ngân hàng thương mại cổ phần S không phải chịu án phí và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 27 của Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 92, Điều 147, điểm a điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2005; Luật các tổ chức tín dụng; Điều 27 của Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc bà Trương Bích Q phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền 13.837.033 đồng (Mười ba triệu tám trăm ba mươi bảy nghìn không trăm ba mươi ba đồng) theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng lập ngày 17/05/2012 kèm theo bản điều khoản và điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng. Trong đó: số tiền nợ gốc là 7.572.864 (Bảy triệu năm trăm bảy mươi hai nghìn

tám trăm sáu mươi bốn) đồng và lãi quá hạn là 6.264.169 (Sáu triệu hai trăm sáu mươi bốn nghìn một trăm sáu mươi chín) đồng tính từ ngày 11/12/2013 đến ngày 26/6/2017.

Số tiền lãi được tính tiếp cho bà Trương Bích Q kể từ ngày 27/6/2017 trên số tiền thực tế vay cho đến khi thi hành án xong theo mức lãi suất nợ quá hạn mà hai bên đã thỏa thuận ký kết.

Phương thức thanh toán: trả một lần ngày khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Trương Bích Q phải chịu là 691.852 (Sáu trăm chín mươi mốt nghìn tám trăm năm hai) đồng.

- Trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 331.272 (Ba trăm ba mươi mốt nghìn hai trăm bảy mươi hai đồng) theo biên lai thu tiền số 0000488 ngày 23/11/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q8;
- Chi cục THADS Q8;
- Các đương sự

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Phúc